

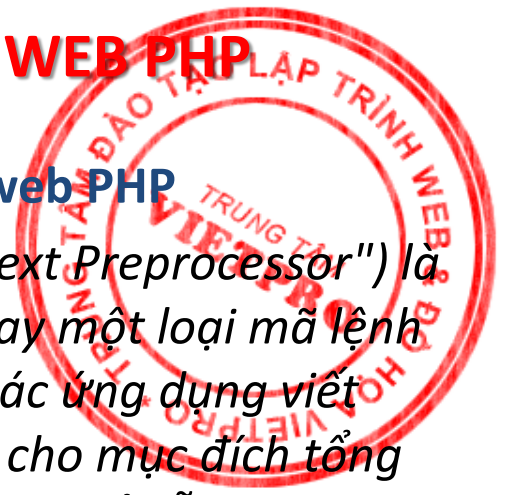
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH WEB & ĐỒ HỌA
VIETPRO EDUCATION



BÀI GIẢNG PHP (BUỔI 1)
NHẬP MÔN LẬP TRÌNH PHP

Giảng viên: Hoàng Minh Tuấn

NHẬP MÔN LẬP TRÌNH WEB PHP



1. Tổng quan về ngôn ngữ Lập trình web PHP

- PHP (viết tắt hồi quy "PHP: Hypertext Preprocessor") là một ngôn ngữ lập trình kịch bản hay một loại mã lệnh chủ yếu được dùng để phát triển các ứng dụng viết cho máy chủ, mã nguồn mở, dùng cho mục đích tổng quát. Nó rất thích hợp với web và có thể dễ dàng nhúng vào trang HTML. Do được tối ưu hóa cho các ứng dụng web, tốc độ nhanh, nhỏ gọn, cú pháp giống C và Java, dễ học và thời gian xây dựng sản phẩm tương đối ngắn hơn so với các ngôn ngữ khác nên PHP đã nhanh chóng trở thành một ngôn ngữ lập trình web phổ biến nhất thế giới.

2. Các thành phần cần cài đặt

- Để chạy một website với mã nguồn PHP & hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL làm việc Offline trên máy tính cá nhân chúng ta cần phải cài đặt tối thiểu các gói cài đặt sau:
- Webserver
- Database server
- PHP

CÀI ĐẶT XAMPP SERVER LOCALHOST



1. Xampp là gì

- *Xampp là chương trình tạo máy chủ Web (Web Server) trên máy tính cá nhân (Localhost) được tích hợp sẵn Apache, PHP, MySQL, FTP Server, Mail Server và các công cụ như PHPmyadmin.*

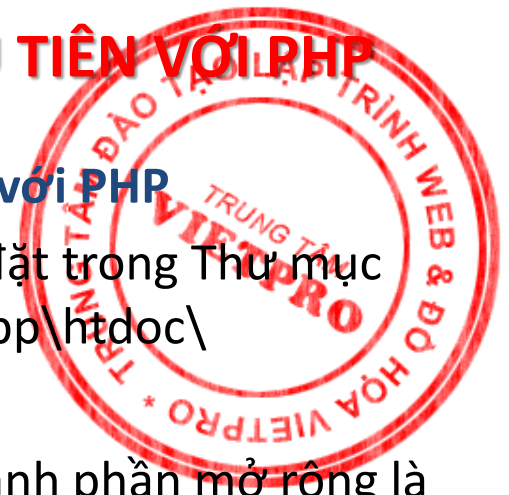
2. Cài đặt & Cấu hình Xampp

- Cài đặt
- Cấu hình

3. Trình soạn thảo (Editor) cho PHP

- *Notepad++*
- *Dreamweaver CS5*
- *PHP Designer 7*
- *Zend Studio*
- ...

KHỞI TẠO MỘT DỰ ÁN ĐẦU TIÊN VỚI PHP



1. Tạo cấu trúc Thư mục để làm việc với PHP

- Tổ chức Thư mục hoặc File được đặt trong Thư mục gốc htdoc theo đường dẫn c\xampp\htdocs\
- c\xampp\htdocs\hocphp\
- Các File làm việc với PHP sẽ có thành phần mở rộng là .php

2. Khai báo một vùng làm việc trong PHP

- *Một File làm việc với PHP sẽ được đặt tên như sau: file_name.php. Một File PHP cơ bản có nội dung bên trong để trống hoặc tuân theo cấu trúc của một văn bản HTML cơ bản đều được. Để khai báo một vùng làm việc trong PHP, chúng ta sẽ sử dụng cách thức chuẩn sau đây*
- **<?php Vùng làm việc với PHP ?>**

KHỞ TẠO MỘT DỰ ÁN ĐẦU TIÊN VỚI PHP



3. Xuất dữ liệu trong PHP

echo “Thông tin cần hiển thị”;

- Trong PHP để kết thúc 1 dòng lệnh chúng ta sử dụng dấu ";"
- Thông tin bên trong dấu "" có thể là một chuỗi, một biến hoặc các thẻ HTML (Các khái niệm về chuỗi, biến trong PHP sẽ được đề cập trong các bài tiếp theo)
- Nếu muốn sử dụng nhiều cặp dấu "" lồng nhau thì các cặp dấu "" bên trong phải được khóa bởi các ký tự \.

4. Chạy File PHP thông qua giao thức HTTP

http://localhost/root_name/file_name.php

5. Comment trong PHP

- Trong Lập trình PHP chúng ta sử dụng Comment tương tự như trong Lập trình Javascript

// Dòng Comment

/* Nội dung Comment */

BIẾN TRONG PHP



1. Khái niệm Biến trong PHP

- Biến được xem là vùng nhớ dữ liệu tạm thời. Và giá trị có thể thay đổi được. Biến được bắt đầu bằng ký hiệu "\$". Và theo sau chúng là 1 từ, 1 cụm từ nhưng phải viết liền hoặc có gạch dưới

2. Cách đặt tên cho Biến

- Tên của biến trong PHP được bắt đầu bởi ký tự \$
- Tiếp sau đó là một chữ cái hoặc dấu gạch dưới "_"
- Nếu tên biến nhiều hơn 2 ký tự thì các ký tự còn lại có thể là các chữ cái, số hoặc dấu gạch dưới
- Tên của biến không được phép trùng với các từ khóa của PHP

3. Làm việc với Biến

- Trong PHP để sử dụng 1 biến chúng ta thường phải khai báo trước
- Có thể khai báo biến rồi gán giá trị trực tiếp luôn cho biến đó, nghĩa là vừa khai báo vừa gán dữ liệu cho biến

HẲNG TRONG PHP



1. Khái niệm Hằng trong PHP

- *Nếu biến là cái có thể thay đổi được thì ngược lại hằng là cái chúng ta không thể thay đổi được*

2. Cách khai báo một Hằng

- Hằng trong PHP được định nghĩa bởi hàm **define** theo cú pháp
define (Name, Value);
- Hằng không có dấu "\$" ở trước tên
- Hằng có thể truy cập bất cứ vị trí nào trong mã lệnh
- Hằng chỉ được phép gán giá trị duy nhất 1 lần
- Tên Hằng thường viết bằng chữ in để phân biệt với Biến

3. Làm việc với Hằng

CHUỖI TRONG PHP



1. Khái niệm Chuỗi trong PHP

- *Chuỗi là một nhóm các ký tự, số, khoảng trắng, dấu ngắt được đặt trong các dấu nháy đơn " hoặc nháy kép ""*

2. Làm việc với Chuỗi

- Tất cả mọi ký tự nằm trong cặp dấu nháy đơn (") đều được hiểu là chuỗi
- Tất cả mọi ký tự nằm trong cặp dấu nháy kép (") đều được hiểu là chuỗi ngoại trừ Biến vẫn được hiểu là Biến
- Các chuỗi lồng nhau mà đều nằm trong một cùng một kiểu dấu **ngoặc đơn** hoặc **kép** thì phải có các dấu **"/** dùng để khóa đằng trước các dấu ngoặc đó nằm ở bên trong

CÁC KIỂU DỮ LIỆU TRONG PHP



1. Các kiểu dữ liệu chính trong Lập trình PHP

Kiểu Dữ Liệu	Mô Tả	Ví Dụ
Integer	Một số Nguyên	86
Double	Kiểu số Thực	3.14
String	Một tập hợp các ký tự	"How are you?"
Boolean	Giá trị TRUE hoặc FALSE	TRUE or FALSE
Array	Mảng Dữ liệu	Array()
Object	Đối tượng	Class

- Sử dụng Hàm `gettype()` để kiểm tra kiểu dữ liệu
- **`gettype(Bien);`**

CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP



1. Toán tử Nối

- Toán tử Nối gồm ký tự đơn ".". Toán tử Nối sử dụng để nối các kiểu Dữ liệu khác lại với nhau.

CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP

2. Toán tử Gán

- Toán tử gán gồm ký tự đơn $=$. Toán tử gán lấy giá trị của toán hạng bên phải gán nó vào toán hạng bên trái.



CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP



3. Toán tử Số học

- Là dạng phép tính giản đơn cộng, trừ, nhân, chia trong số học. Ngoài ra còn có phép chia lấy dư (%) được sử dụng để lấy ra đơn vị dư của 1 phép toán

Toán Tử	Lý Giải	Ví Dụ	Kết Quả
+	Cộng 2 số hạng	$10 + 8$	18
-	Trừ 2 số hạng	$10 - 8$	2
*	Nhân 2 số hạng	$10 * 8$	80
/	Chia 2 số hạng	$10 / 3$	3.33333333
%	Trả về số dư	$10 \% 3$	1

CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP



4. Toán tử So sánh

- Là toán tử được sử dụng để thực hiện các phép toán so sánh giữa hai số hạng

Phép Toán	Tên	Giải Thích	Ví Dụ
==	Bằng	Hai số bằng nhau	$\$a == 5$
!=	Khác	Hai số khác nhau	$\$a != 5$
===	Đồng nhất	Hai số bằng nhau và cùng kiểu	$\$a === 5$
>	Lớn hơn	Vế trái lớn hơn vế phải	$\$a > 5$
>=	Lớn hơn hoặc bằng	Vế trái lớn hơn hoặc bằng vế phải	$\$a >= 5$
<	Bé hơn	Vế trái bé hơn vế phải	$\$a < 5$
<=	Bé hơn hoặc bằng	Vế trái bé hơn hoặc bằng vế phải	$\$a <= 5$

CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP

5. Toán tử Logic

- Toán tử logic là các tổ hợp các giá trị boolean



Toán Tử	Tên	Trả về TRUE Nếu	Ví Dụ	Kết Quả
	Or	Vế trái hoặc vế phải là True	True True	
	Or	Vế trái hoặc vế phải là True	True True	
Xor	Xor	Vế trái hoặc vế phải là True nhưng không phải cả hai	True True	
&&	And	Vế trái và vế phải là True	True && False	
And	And	Vế trái và vế phải là True	True && False	
!	Not	Không phải True	! True	

CÁC TOÁN TỬ TRONG PHP



6. Toán tử Kết hợp

- Khi tạo mã PHP, chúng ta sẽ thường nhận thấy cần phải tăng hoặc giảm lượng biến một số nguyên nào đó. Bạn sẽ thường thực hiện điều này khi chúng ta đếm 1 giá trị nào đó trong vòng lặp

Phép Toán	Ví Dụ	Lý Giải
++	\$a++	$\$a = \$a + 1$
--	\$a--	$\$a = \$a - 1$
+=	\$a += \$b	$\$a = \$a + \$b$
-=	\$a -= \$b	$\$a = \$a - \$b$
*=	\$a *= \$b	$\$a = \$a * \$b$
/=	\$a /= \$b	$\$a = \$a / \$b$

BIỂU THỨC ĐIỀU KIỆN



1. Biểu thức IF

- Là cú pháp kiểm tra một biểu thức. Nếu biểu thức đó thỏa mãn thì thực thi một hành động tương ứng

if(Biểu thức){

Thực thi hành động tương ứng

}

BIỂU THỨC ĐIỀU KIỆN



2. Biểu thức IF...ELSE

- Là cú pháp kiểm tra một biểu thức. Nếu biểu thức đó thỏa mãn thì thực thi một hành động tương ứng. Ngược lại thì sẽ thực thi một hành động khác

if(Biểu thức){

Thực thi hành động 1

}

else{

Thực thi hành động 2

}

BIỂU THỨC ĐIỀU KIỆN



3. Biểu thức ELSE...IF

- Là cú pháp kiểm tra một biểu thức. Với mỗi trường hợp mà biểu thức đó thỏa mãn sẽ thực thi một hành động tương ứng. Và thường kiểm tra tất cả các trường hợp của biểu thức đó

if(Biểu thức 1){

Thực thi hành động 1

}

elseif(Biểu thức 2){

Thực thi hành động 2

}

...

elseif(Biểu thức N){

Thực thi hành động N

}

else{

Thực thi hành động còn lại

}

BIỂU THỨC ĐIỀU KIỆN



4. Biểu thức SWITCH...CASE

- Là cú pháp kiểm tra sự thỏa mãn tất cả các trường hợp của một biểu thức tương tự như Biểu thức điều kiện ELSE...IF

switch(Biểu thức){

case Điều kiện 1: Hành động 1;

break;

case Điều kiện 2: Hành động 2;

break;

...

case Điều kiện N: Hành động N;

break;

default: Hành động còn lại;

}

VÒNG LẶP



1. Vòng lặp WHILE

- Vòng lặp While sẽ tiến hành kiểm tra một biểu thức. Nếu biểu thức đó thỏa mãn thì sẽ tiến hành thực thi hành động tương ứng. Quá trình kiểm tra – Thực thi lặp đi lặp lại đến khi biểu thức không thỏa mã nữa thì thôi.

while(Biểu thức){

Thực thi hành động ;

}

VÒNG LẶP



2. Vòng lặp DO...WHILE

- Vòng lặp Do While sẽ Thực thi một hành động trước sau đó mới tiến hành kiểm tra một biểu thức. Nếu biểu thức đó thỏa mãn thì sẽ tiến hành thực thi hành động tương ứng. Quá trình kiểm tra – Thực thi lặp đi lặp lại đến khi biểu thức không thỏa mã nữa thì thôi.

do{

Thực thi hành động ;

}

while(Biểu thức);

VÒNG LẶP



3. Vòng lặp FOR

- Vòng lặp này cho phép chúng ta gộp các tham số. Giúp giảm thiểu thời gian phải khai báo biến và các tham số khi thực thi việc lặp dữ liệu.

```
for(Biến khởi tạo; Biểu thức; Tăng (Giảm) Biến){  
    Thực thi hành động ;  
}
```

THỰC HÀNH



I – BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Bài 1

2. Bài 2

II – BÀI TẬP VỀ NHÀ

1. Bài 1

2. Bài 2